Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 25.12.2019 08:21:55 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2776 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Trảng Bàng năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30/5/2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều qui định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định tiêu chí phân loại ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Trảng Bàng tại Tờ trình số 1267/TTr-UBND ngày 15/11/2019 về việc phân loại ấp, khu phố trên địa bàn huyện Trảng Bàng;

Xét đề nghị của Giám đốc sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 707/TTr-SNV ngày 17../.12./2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết quả phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Trảng Bàng năm 2019 *(có Phụ lục kết quả phân loại ấp, khu phố kèm theo).*

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Trảng Bàng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Vp. Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN TRẢNG BÀNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**UBND Thị trấn Trảng Bàng (04 khu phố)**	**364.71**	**13,538**	**4,022**	x									
1	Khu phố Lộc Du	112.85	4246	1399				54	129	158	30	**371**	Loại 1	**Loại 1**
2	Khu phố Lộc An	60.96	2893	762				35	95	94	30	**254**	Loại 2	**Loại 2**
3	Khu phố Lộc Thành	112.20	2516	652				54	86	83	30	**253**	Loại 2	**Loại 2**
4	Khu phố Gia Huỳnh	78.70	3883	1209				42	120	139	30	**331**	Loại 1	**Loại 1**
II	**UBND xã Gia Bình (05 ấp)**	**1,200.71**	**11677**	**3197**		x								
1	Ấp Chánh	242.02	3149	856				40	126	114	20	**300**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Phước Hiệp	108.22	1637	462				35	76	74	20	**205**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Phước Hậu	263.61	2173	568				42	94	85	20	**241**	Loại 2	**Loại 2**
4	Ấp Bình Nguyên 1	229.58	2454	699				38	103	98	20	**259**	Loại 2	**Loại 2**
5	Ấp Bình Nguyên 2	357.28	2264	612				52	97	89	20	**258**	Loại 2	**Loại 2**
III	**UBND xã Gia Lộc (06 ấp)**	**3024.86**	**21,400**	**6,056**	x									
1	Ấp Gia Lâm	562.00	3716	1149				74	145	143	30	**392**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Gia Tân	730.30	3265	862				91	130	114	30	**365**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Lộc Khê	956.70	4383	1180				100	167	146	30	**443**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Gia Huỳnh	301.16	3125	847				46	126	113	30	**314**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Lộc Trát	348.92	4016	1187				51	155	147	30	**383**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Tân Lộc	125.78	2895	831				35	118	111	30	**294**	Loại 1	**Loại 1**
IV	**UBND xã An Hòa (10 ấp)**	**3022.56**	**23,287**	**7,381**	x									
1	Ấp An Hội	197.00	2265	789				35	97	107	30	**269**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp An Lợi	242.50	2488	808				40	104	109	30	**283**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp An Phú	269.00	2671	889				43	110	117	30	**300**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp An Quới	332.50	2828	1083				50	116	136	30	**332**	Loại 1	**Loại 1**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
5	Ấp Hòa Hưng	224.50	2374	772				38	100	105	30	**273**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Hòa Bình	277.50	2371	652				44	100	93	30	**267**	Loại 1	**Loại 1**
7	Ấp An Thới	820.56	633	255				100	39	51	30	**220**	Loại 2	**Loại 2**
8	Ấp Hòa Hội	185.50	2640	728				35	109	101	30	**275**	Loại 1	**Loại 1**
9	Ấp Hòa Lợi	210.00	2531	721				36	106	100	30	**272**	Loại 1	**Loại 1**
10	Ấp Hòa Phú	263.50	2486	684				42	104	96	30	**272**	Loại 1	**Loại 1**
V	**UBND xã An Tịnh (09 ấp)**	**3329.42**	**41,122**	**16,054**	x									
1	Ấp Suối Sâu	375.641	8939	3778				54	319	406	30	**809**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp An Bình	458.020	10594	4628				63	374	491	30	**958**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp An Phú	390.251	4832	1692				56	182	197	30	**465**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp An Thành	604.635	2767	835				78	114	112	30	**333**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp An Thới	299.228	3069	855				46	124	114	30	**314**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp An Khương	247.941	4836	2517				40	183	280	30	**532**	Loại 1	**Loại 1**
7	Ấp Tịnh Phong	368.014	2329	656				53	99	94	30	**276**	Loại 1	**Loại 1**
8	Ấp An Đước	426.751	1940	544				60	86	82	30	**258**	Loại 2	**Loại 2**
9	Ấp Bàu Mây	158.939	1816	549				35	82	83	30	**230**	Loại 2	**Loại 2**
VI	**UBND xã Lộc Hưng (12 ấp)**	**4,515.45**	**19,633**	**5,283**	x									
1	Ấp Lộc Hòa	719.4	1851	466				90	83	74	30	277	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Lộc Châu	576.7	1677	430				76	77	70	30	**253**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Lộc Tiến	351.5	1498	365				52	71	63	30	**216**	Loại 2	**Loại 2**
4	Ấp Lộc Tân	291.4	2225	580				45	96	86	30	**257**	Loại 2	**Loại 2**
5	Ấp Lộc Phước	401.8	1121	313				57	57	57	30	**201**	Loại 2	**Loại 2**
6	Ấp Lộc Thọ	277	1639	454				43	76	73	30	**222**	Loại 2	**Loại 2**
7	Ấp Lộc Thanh	130.15	1478	425				35	70	70	30	**205**	Loại 2	**Loại 2**
8	Ấp Lộc Chánh	322.4	1691	492				48	78	77	30	**233**	Loại 2	**Loại 2**
9	Ấp Lộc Vĩnh	269.1	1683	478				43	77	76	30	**226**	Loại 2	**Loại 2**
10	Ấp Lộc Thành	463.9	1773	496				64	80	78	30	**252**	Loại 2	**Loại 2**
11	Ấp Lộc Bình	277.4	974	254				44	51	51	30	**176**	Loại 3	**Loại 3**
12	Ấp Lộc An	434.7	2023	530				61	89	81	30	**261**	Loại 2	**Loại 2**
VII	**UBND xã Hưng Thuận (07 ấp)**	**4,415.89**	**10,129**	**2,754**	x									
1	Ấp Lộc Trung	987.00	1352	340				100	65	60	30	**256**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Lộc Trị	525.00	999	279				71	52	54	30	**207**	Loại 2	**Loại 2**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
3	Ấp Lộc Thuận	350.00	805	224				52	45	48	30	**175**	Loại 3	**Loại 3**
4	Ấp Bùng Binh	590.52	2384	684				77	101	96	30	**304**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Cầu Xe	398.25	1754	472				57	80	75	30	**242**	Loại 2	**Loại 2**
6	Ấp Xóm Suối	474.25	873	269				65	48	53	30	**196**	Loại 2	**Loại 2**
7	Ấp Tân Thuận	1,090.87	1962	486				100	87	76	30	**293**	Loại 1	**Loại 1**
VIII	**UBND xã Đôn Thuận (06 ấp)**	**5,857,826**	**12,134**	**3,339**	x									
1	Ấp Sóc Lào	903,325	2041	565				100	89	85	30	**304**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Bến Kinh	1,767,442	2630	742				100	109	102	30	**341**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Bà Nhã	1,289,389	2245	596				100	96	88	30	**314**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Thuận Lợi	546,347	1452	385				73	69	65	30	**237**	Loại 2	**Loại 2**
5	Ấp Trảng Sa	855,924	2584	730				100	107	101	30	**338**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Trảng Cỏ	495,399	1182	321				68	59	58	30	**215**	Loại 2	**Loại 2**
IX	**UBND xã Phước Lưu (05 ấp)**	**1,322**	**5,885**	**1,696**		x								
1	Ấp Phước Tân	346.21	1515	436				51	71	71	20	**213**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Gò Ngãi	100.70	1464	430				35	69	70	20	**195**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Phước Thành	96	1023	304				35	53	56	20	**165**	Loại 3	**Loại 3**
4	Ấp Phước Lợi	401	1101	309				57	56	57	20	**190**	Loại 3	**Loại 3**
5	Ấp Phước Giang	378	782	217				55	45	47	20	**167**	Loại 3	**Loại 3**
X	**UBND xã Bình Thạnh (05 ấp)**	**2143.94**	**10,355**	**2,736**	x									
1	Ấp Bình Hòa	187.25	4484	1189				35	171	147	30	**383**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Bình Thuận	105.81	2443	676				35	103	96	30	**264**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Bình Phú	954.68	1566	405				100	73	68	30	**271**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Bình Phước	432.9	704	180				61	45	45	30	**181**	Loại 3	**Loại 3**
5	Ấp Bình Quới	463.3	1158	286				64	58	54	30	**207**	Loại 2	**Loại 2**
XI	**UBND xã Phước Chỉ (12 ấp)**	**4817.96**	**9,339**	**2,678**	x									
1	Ấp Phước Long	270.12	638	183				43	45	45	30	**163**	Loại 3	**Loại 3**
2	Ấp Phước Trung	360.08	380	113				53	45	45	30	**173**	Loại 3	**Loại 3**
3	Ấp Phước Lập	390.11	794	226				56	45	48	30	**179**	Loại 3	**Loại 3**
4	Ấp Phước Hội	505.10	641	219				69	45	47	30	**191**	Loại 2	**Loại 2**
5	Ấp Phước Bình	115.09	373	119				35	45	45	30	**155**	Loại 3	**Loại 3**
6	Ấp Phước Hòa	244.06	1191	332				40	59	60	30	**189**	Loại 3	**Loại 3**

Số TT	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số (người)	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
					Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
7	Ấp Phước Hưng	571.02	1187	303				75	59	56	30	**221**	Loại 2	**Loại 2**
8	Ấp Phước Thuận	595.09	1103	326				76	56	59	30	**221**	Loại 2	**Loại 2**
9	Ấp Phước Dân	371.05	1498	422				54	71	69	30	**224**	Loại 2	**Loại 2**
10	Ấp Phước Đông	495.08	1233	354				67	61	62	30	**220**	Loại 2	**Loại 2**
11	Ấp Phước Mỹ	488.12	217	64				67	45	45	30	**187**	Loại 3	**Loại 3**
12	Ấp Tràm Cát	413.04	84	17				58	45	45	30	**178**	Loại 3	**Loại 3**

Tổng số 81 ấp, khu phố, trong đó:

- Loại 1: 34
- Loại 2: 34
- Loại 3: 13

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN TRẢNG BÀNG NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh

Số TT	Đơn vị	Tổng số ấp, khu phố	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	UBND Thị trấn Trảng Bàng	4	2	2		
2	UBND xã Gia Bình	5	1	4		
3	UBND xã Gia Lộc	6	6			
4	UBND xã An Hòa	10	9	1		
5	UBND xã An Tịnh	9	7	2		
6	UBND xã Lộc Hưng	12	1	10	1	
7	UBND xã Hưng Thuận	7	2	4	1	
8	UBND xã Đôn Thuận	6	4	2		
9	UBND xã Phước Lưu	5		2	3	
10	UBND xã Bình Thạnh	5	2	2	1	
11	UBND xã Phước Chỉ	12		5	7	
	Tổng số	**81**	**34**	**34**	**13**	